CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco

Ngày 30/06/2025	28,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.8%	**9.6%**	**48.0%**

DT thuần
Q2/25
557
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 181| 48.1%
YoY: ▼73.0| -11.6%

LN thuần
Q2/25
61.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.8| 68.2%
YoY: ▲ 30.2| 97.6%

LN sau thuế
Q2/25
38.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.0| 71.8%
YoY: ▲ 31.4| 453%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
19.4%
YoY: +/-▼ 0.4%

ROE (TTM)
Q2/25
17.1%
YoY: +/-▲ 1.1%

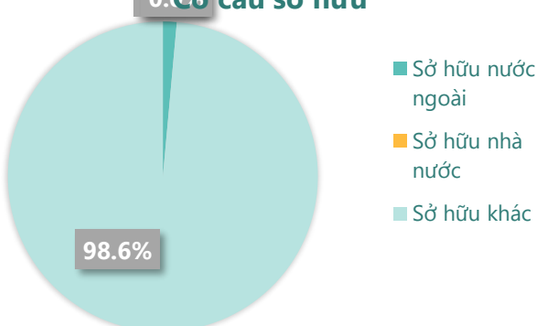
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,848 - 26,678
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,732
Số lượng CPLH (CP)	311,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	121,490
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	1.62
EPS	2,273
P/E	12.3

DT thuần
6T 2025
933
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00| -0.6%

LN thuần
6T 2025
97.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.7| 100%

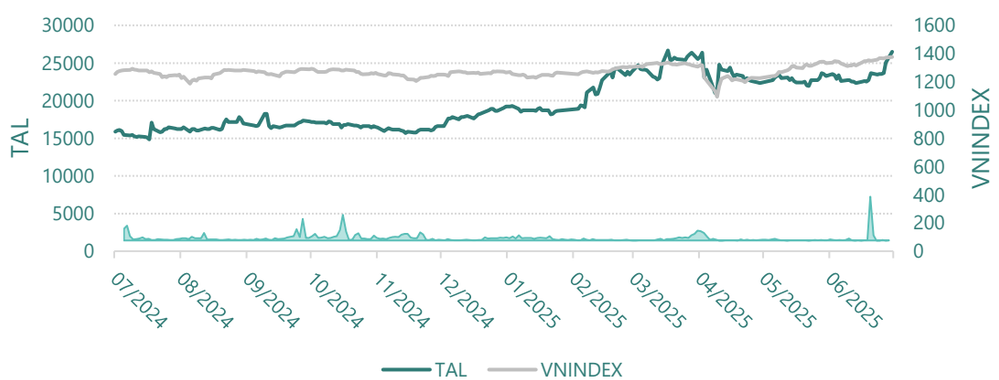
LN sau thuế
6T 2025
60.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.5| 254%

Cơ cấu sở hữu

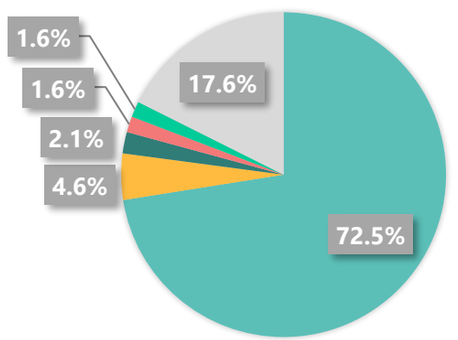


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

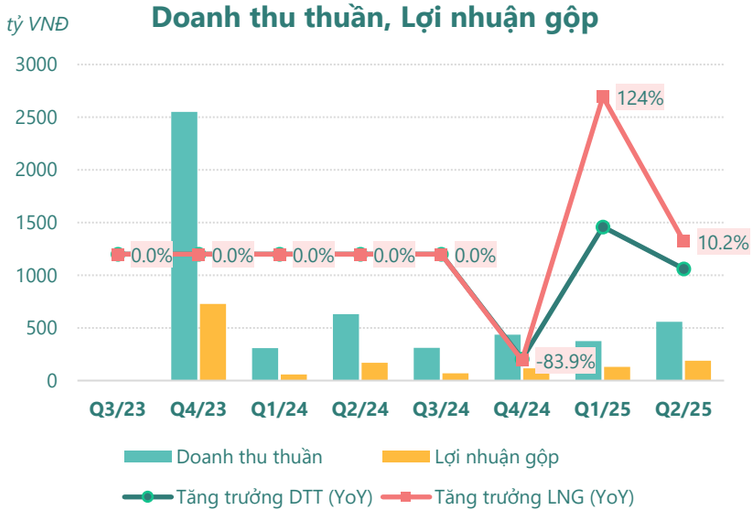


- CTCP Tập đoàn Taseco
- Đoàn Thị Phương Thảo
- Vietnam Enterprise Investments Ltd
- Hanoi Investments Holdings Ltd
- Amersham Industries Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

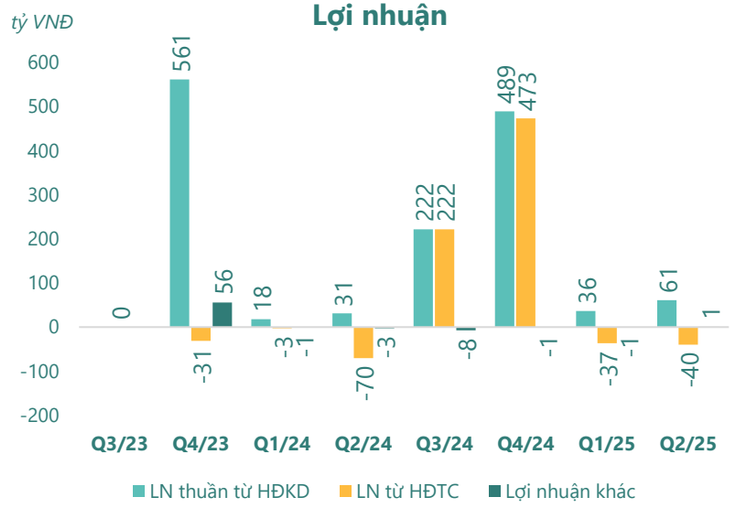
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



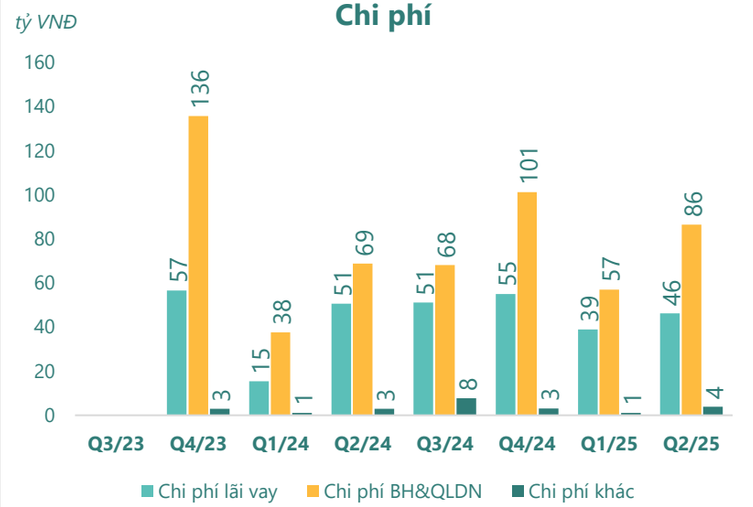
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



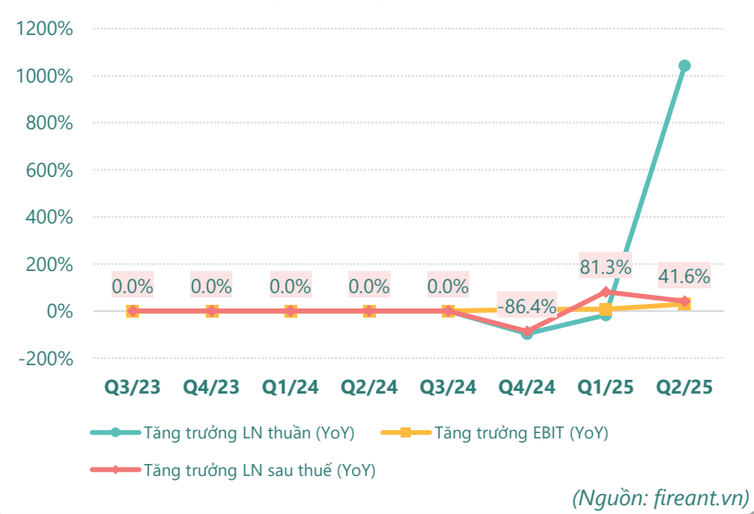
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



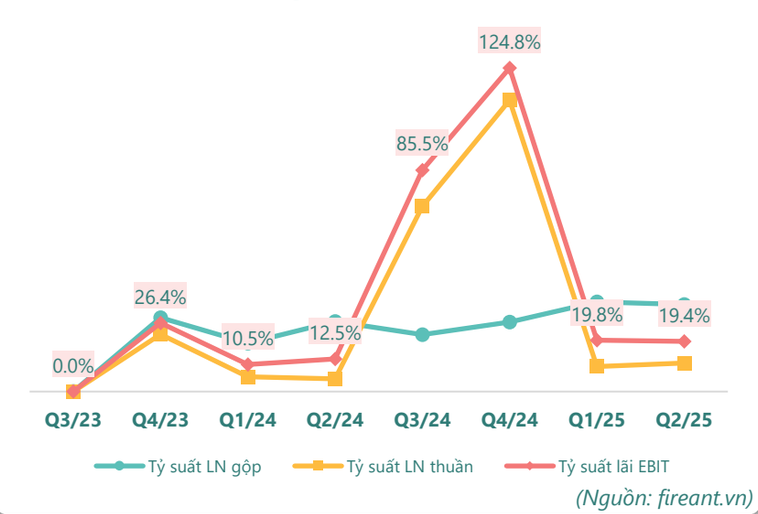
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



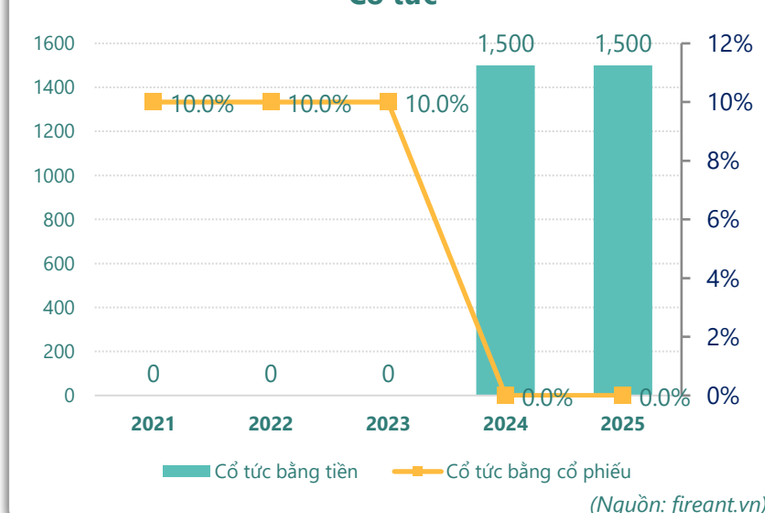
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

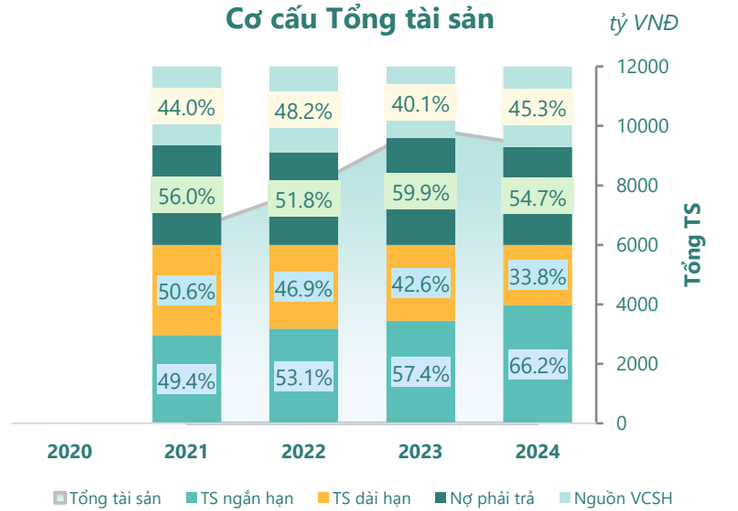
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

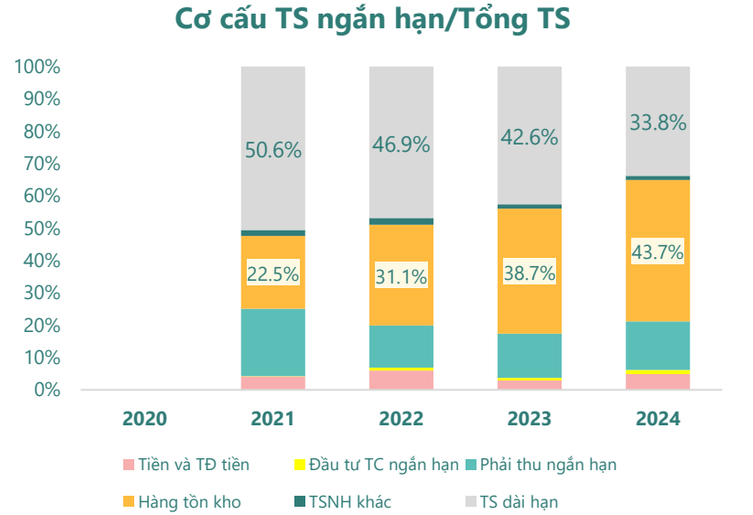
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



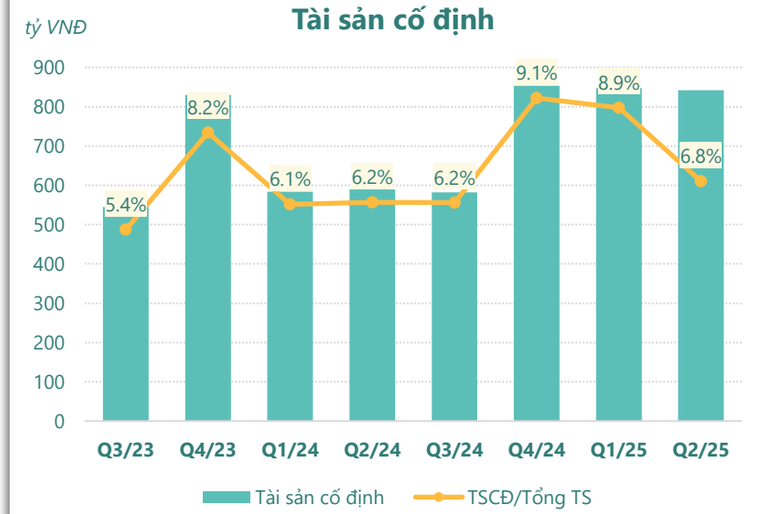
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



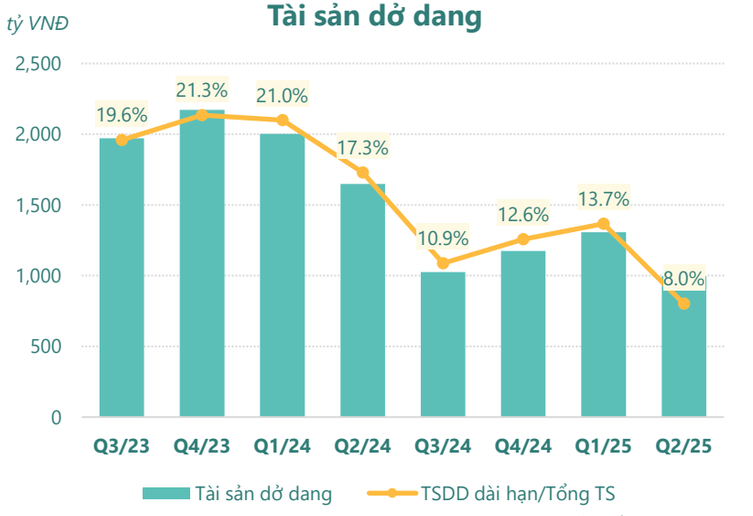
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



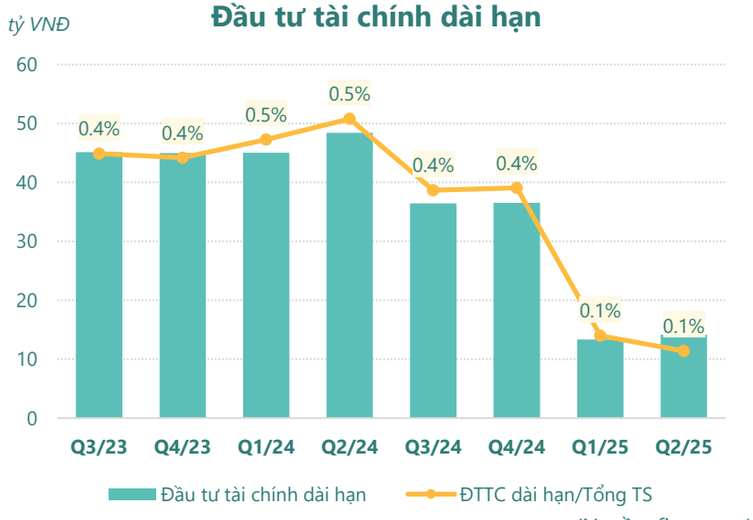
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



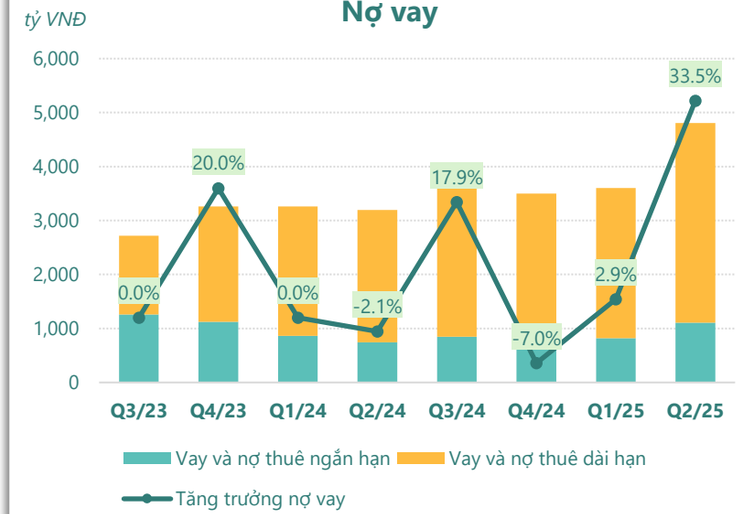
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

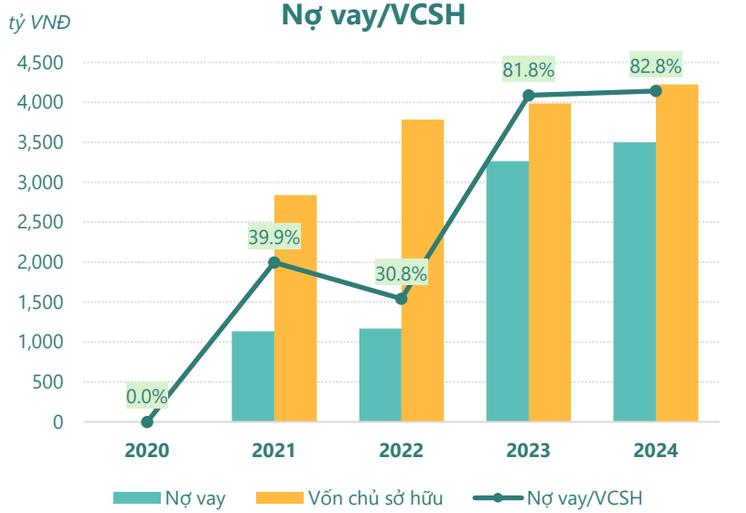
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

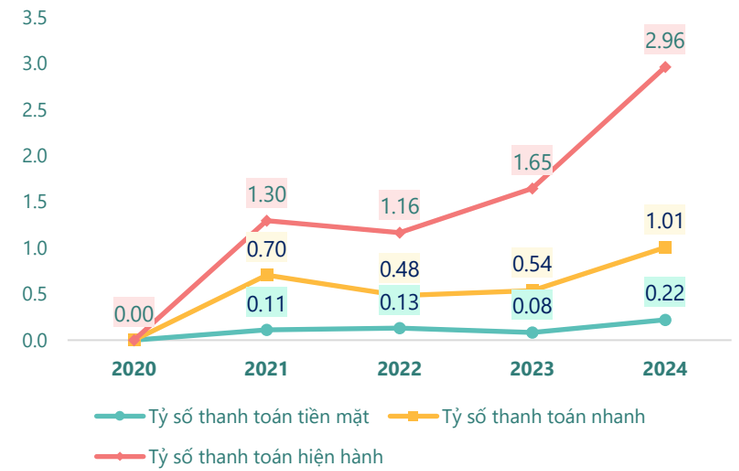
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



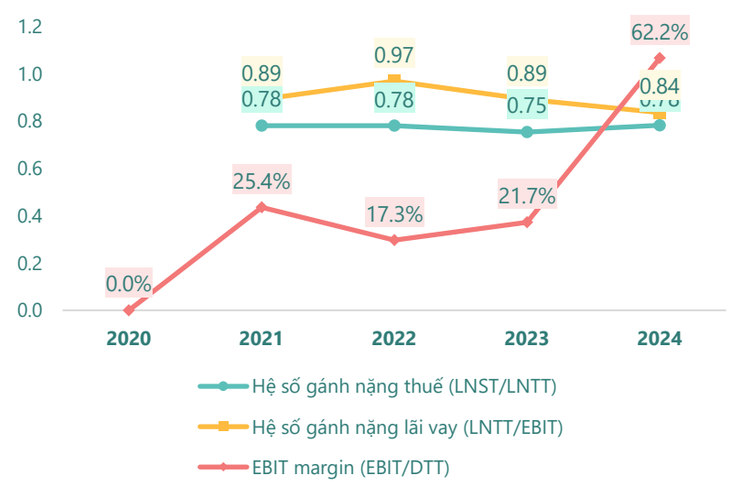
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



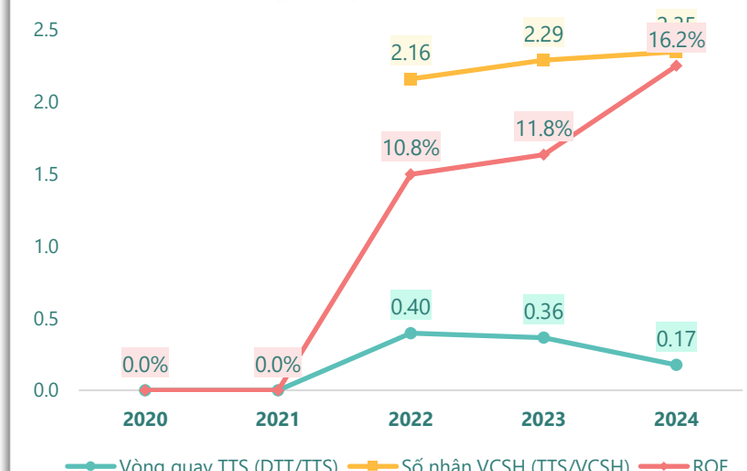
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



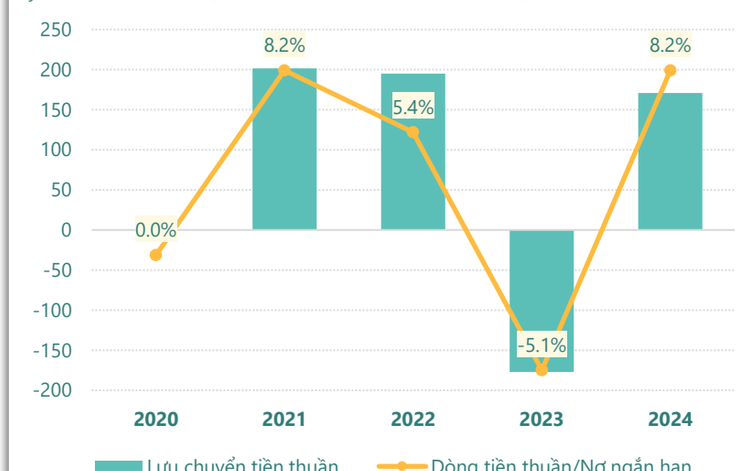
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**557**	**630**	**-11.6%**	**933**	**939**	**-0.6%**
Giá vốn hàng bán	370	460	-19.7%	616	711	-13.4%
Lợi nhuận gộp	187	170	10.2%	317	228	39.2%
Doanh thu HĐTC	11.2	9.58	16.6%	17.1	23.7	-27.7%
Chi phí TC	51.1	80.0	-36.1%	93.8	96.8	-3.1%
Chi phí lãi vay	46.2	50.6	-8.7%	85.2	66.0	29.0%
LN trong công ty LKLD	**0.07**	**0.08**	**-9.7%**	**0.15**	**0.16**	**-5.6%**
Chi phí bán hàng	34.3	10.8	218%	45.8	13.4	241%
Chi phí QLDN	**52.1**	**58.0**	**-10.1%**	**97.7**	**93.1**	**4.9%**
LN thuần từ HĐKD	61.1	30.9	97.6%	97.3	48.6	100%
Lợi nhuận khác	**0.69**	**-2.60**	**127%**	**-0.24**	**-3.40**	**93.0%**
LN trước thuế	61.8	28.3	118%	97.1	45.2	115%
Lợi nhuận sau thuế	**38.3**	**6.93**	**453%**	**60.6**	**17.1**	**254%**
LNST của CĐ cty mẹ	**34.9**	**-3.30**	**1158%**	**55.1**	**3.40**	**1523%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-125	-422	-745	-811	-48.2	-1,759
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-60.3	527	496	1,478	-117	64.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.54	-69.7	166	-275	232	1,535
Tiền đầu kỳ	289	111	146	63.8	460	526
Lưu chuyển tiền thuần	**-178**	**35.6**	**-82.5**	**392**	**66.6**	**-159**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	111	146	63.8	456	526	368

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,423**	**9,324**	**33.2%**
Tài sản ngắn hạn	10,122	6,174	63.9%
Tiền và tương đương tiền	368	460	-20.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	334	113	195%
Phải thu ngắn hạn	1,543	1,402	10.0%
Hàng tồn kho	7,736	4,079	89.7%
Tài sản ngắn hạn khác	141	120	17.3%
Tài sản dài hạn	**2,301**	**3,150**	**-27.0%**
Phải thu dài hạn	12.2	620	-98.0%
Tài sản cố định	842	854	-1.4%
Bất động sản đầu tư	313	319	-2.0%
Tài sản dở dang	996	1,192	-16.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.1	36.5	-61.3%
Tài sản dài hạn khác	**87.4**	**89.4**	**-2.3%**
Lợi thế thương mại	36.5	39.7	-7.8%
Nợ phải trả	8,129	5,100	59.4%
Nợ ngắn hạn	**4,107**	**2,084**	**97.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,106	805	37.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	372	426	-12.7%
Nợ dài hạn	4,022	3,016	33.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,700	2,695	37.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,294**	**4,224**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**4,294**	**4,224**	**1.7%**
Vốn điều lệ	3,119	2,970	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)